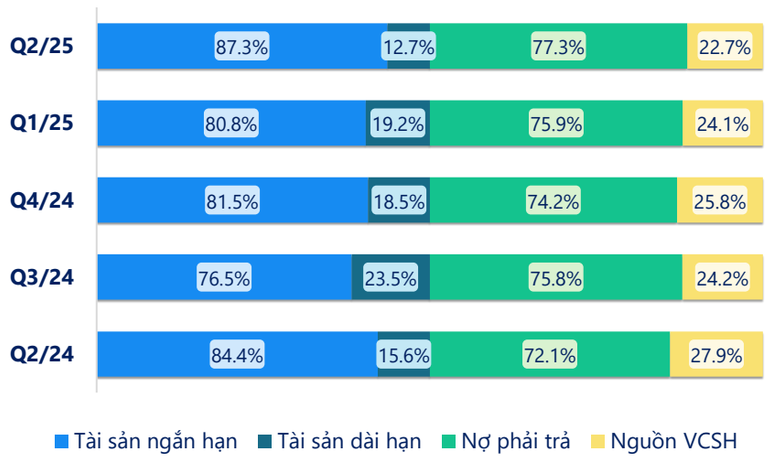
FireAnt

CTCP PVI (HNX: PVI)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	57,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	66,070
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	42,515
SL cổ phiếu LH	234,241,867
KLGD BQ 20 phiên (CP)	46,110
% sở hữu nước ngoài	57.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13,469
P/E	14.0
EPS	4,114

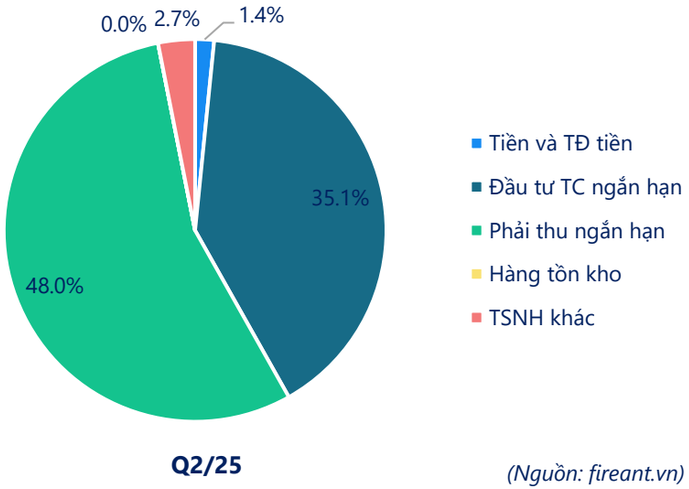
	YTD	1T	3T	6T
PVI	-1.6%	7.2%	-9.0%	-2.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



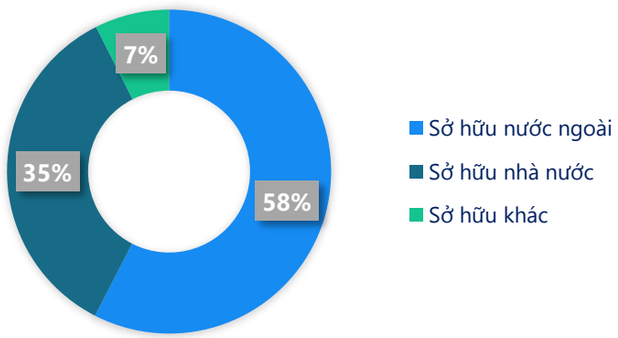
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



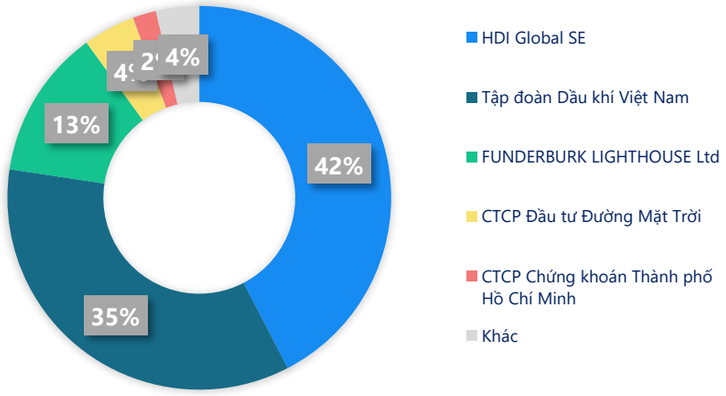
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



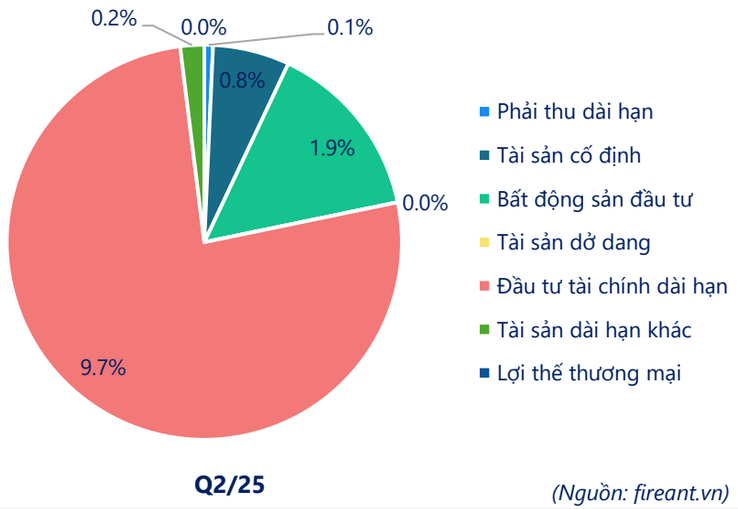
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

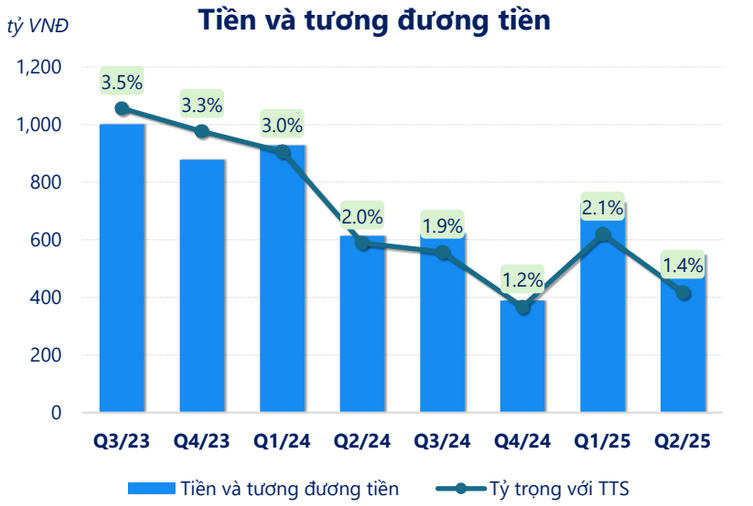


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

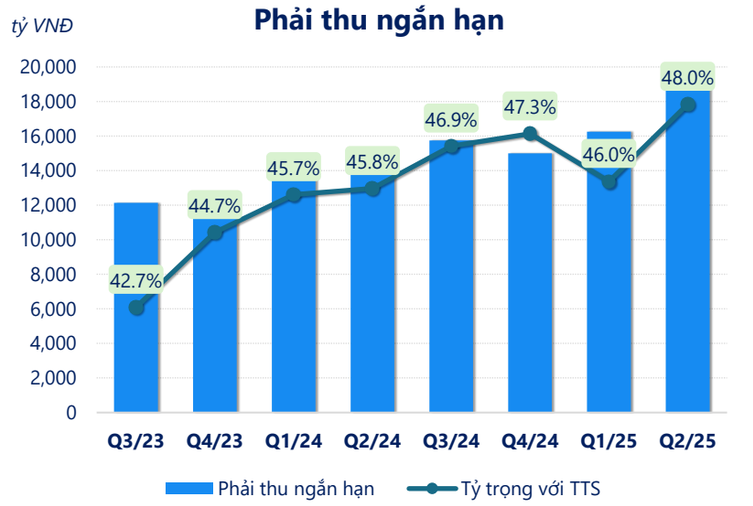
CTCP PVI (HNX: PVI)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



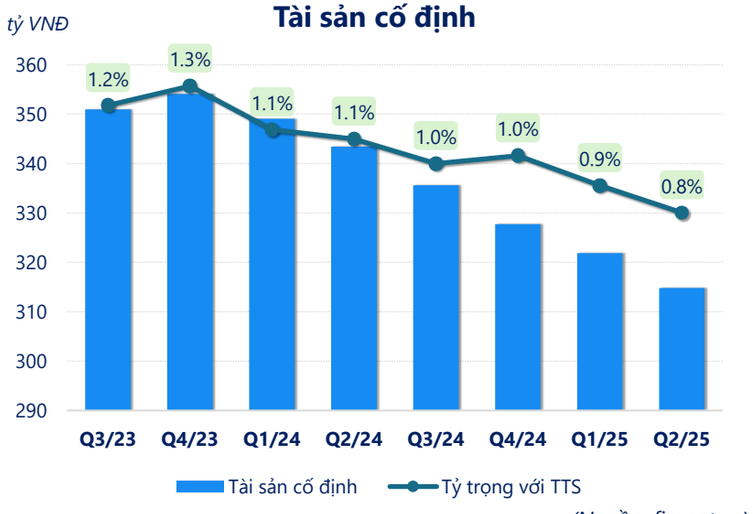
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



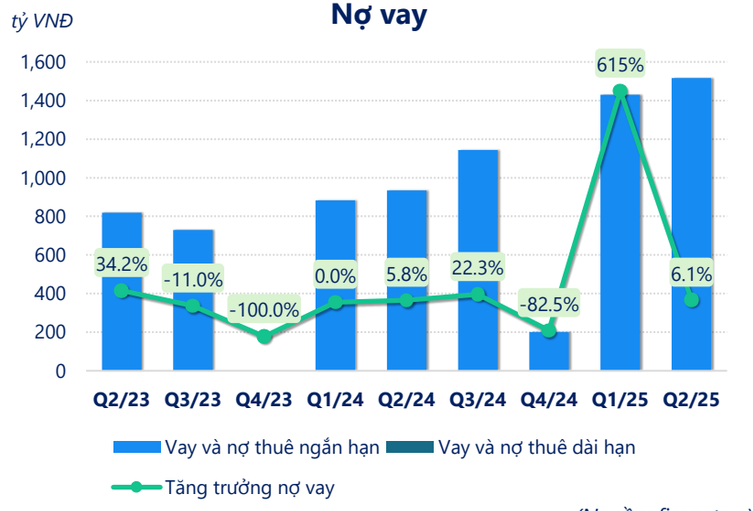
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



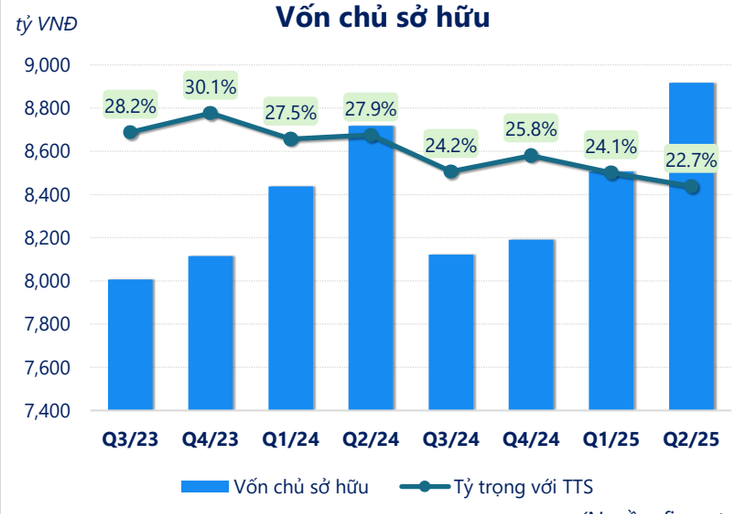
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

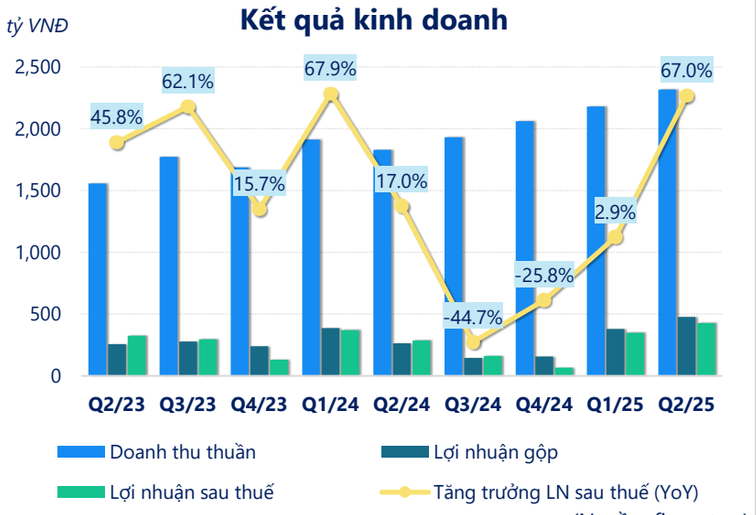


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

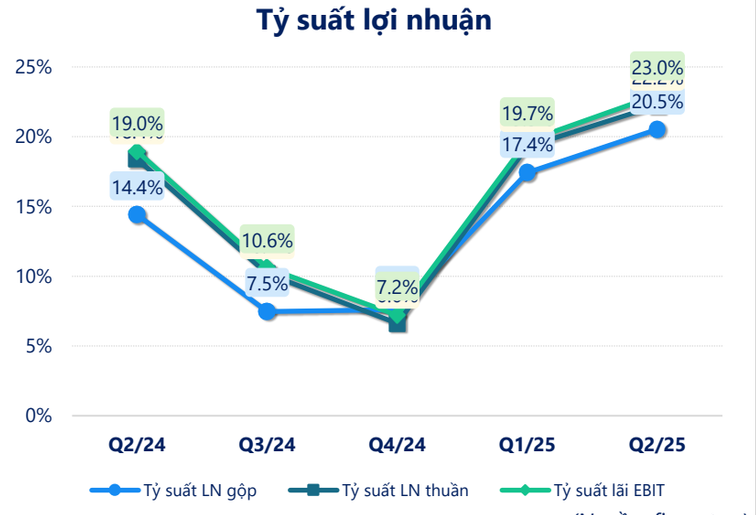
CTCP PVI (HNX: PVI)

Kết quả kinh doanh



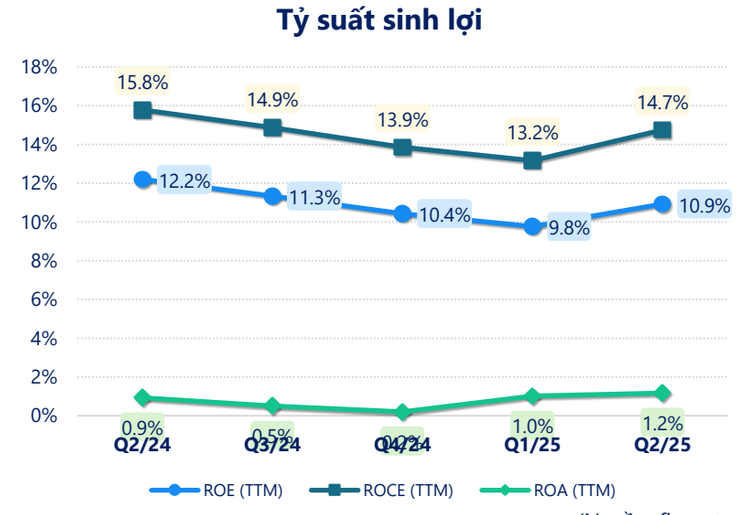
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



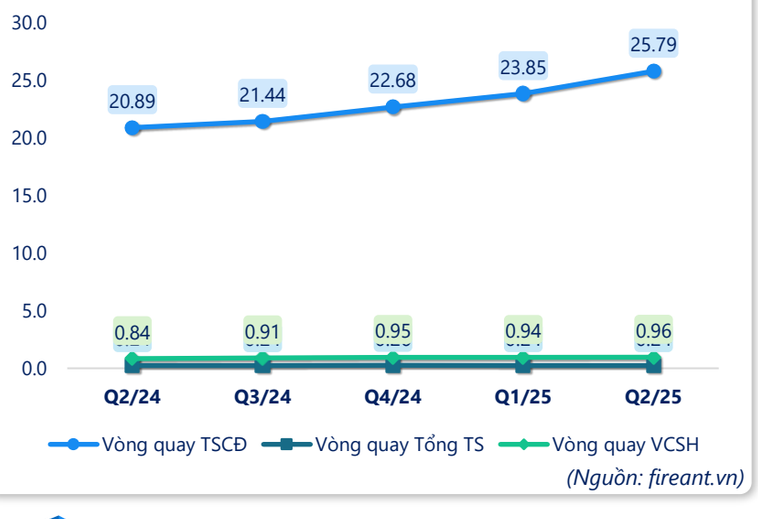
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



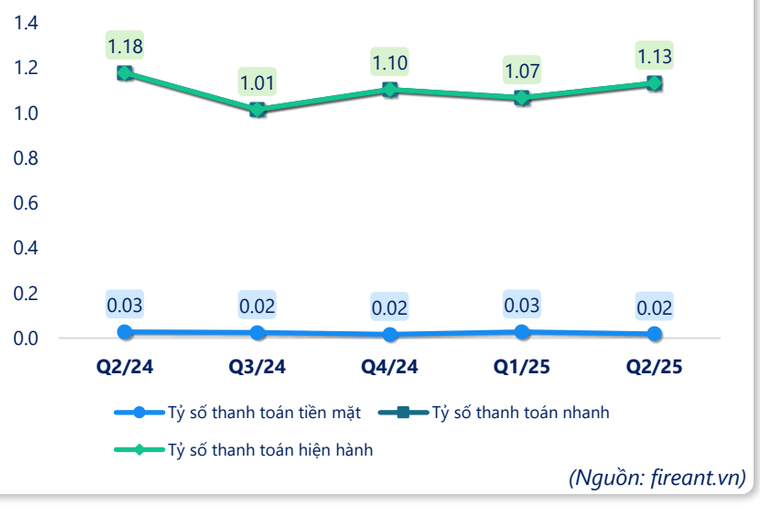
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



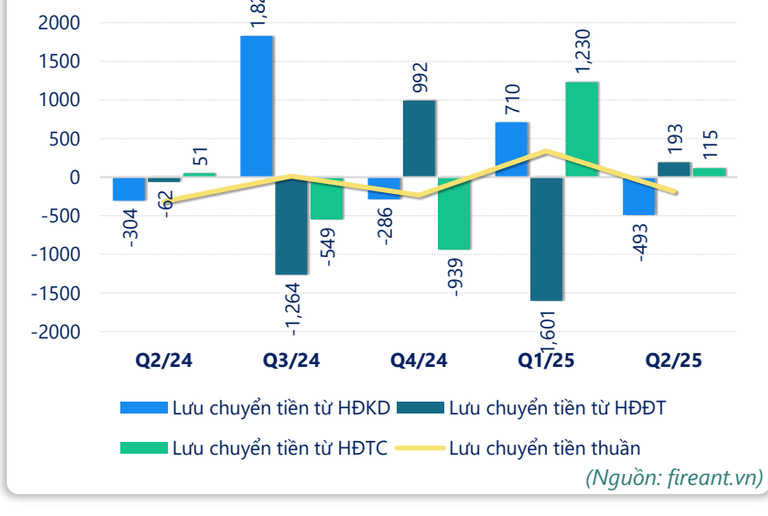
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP PVI (HNX: PVI)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**39,274**	**31,767**	**23.6%**
Tài sản ngắn hạn	34,270	26,188	30.9%
Tiền và tương đương tiền	547	389	40.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13,793	9,959	38.5%
Phải thu ngắn hạn	18,863	15,019	25.6%
Hàng tồn kho	0.93	3.01	-69.2%
Tài sản ngắn hạn khác	1,066	818	30.3%
Tài sản dài hạn	**5,004**	**5,579**	**-10.3%**
Phải thu dài hạn	35.5	35.3	0.5%
Tài sản cố định	315	330	-4.5%
Bất động sản đầu tư	738	754	-2.1%
Tài sản dở dang	0.20	0.20	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	3,818	4,371	-12.7%
Tài sản dài hạn khác	**97.8**	**89.5**	**9.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	30,356	23,584	28.7%
Nợ ngắn hạn	**30,286**	**23,476**	**29.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,517	200	659%
Phải trả người bán ngắn hạn	5,714	4,060	40.7%
Nợ dài hạn	70.5	108	-34.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**8,917**	**8,183**	**9.0%**
Vốn chủ sở hữu	**8,917**	**8,183**	**9.0%**
Vốn điều lệ	2,342	2,342	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1,829	1,931	2,061	2,179	2,317
Giá vốn hàng bán	1,566	1,787	1,904	1,799	1,841
Lợi nhuận gộp	263	144	157	380	476
Doanh thu HĐTC	329	327	342	333	354
Chi phí TC	98.1	93.5	149	101	130
Chi phí lãi vay	7.60	9.26	11.2	6.10	15.1
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	158	181	213	191	184
LN thuần từ HĐKD	337	197	137	420	515
Lợi nhuận khác	2.44	-1.14	0.73	2.81	2.18
LN trước thuế	339	195	137	423	518
Lợi nhuận sau thuế	288	162	66.6	348	427
LNST của CĐ cty mẹ	276	155	59.9	336	413

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-304	1,827	-286	710	-493
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-62.1	-1,264	992	-1,601	193
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	51.3	-549	-939	1,230	115
Tiền đầu kỳ	928	614	623	389	730
Lưu chuyển tiền thuần	**-314**	**14.5**	**-233**	**339**	**-185**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.42	-5.00	-0.76	1.70	3.04
Tiền cuối kỳ	614	623	389	730	547

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic